

Bản án số: 57/2023/DS-PT
Ngày: 23-9-2023
V/v tranh chấp HĐ mua bán TS

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Thẩm phán: Bà Lê Hoài Thủy;

Ông Nguyễn Văn Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lương Thị Đ, (tên gọi khác: Lương Thị H1), sinh năm 1970; địa chỉ: khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hồ H2, sinh năm 1980, địa chỉ: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có đơn xin vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Lương Thị Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Trong gần 10 năm nay, bà Đ làm nghề bán thịt heo thường hay mua thịt heo của gia đình bà H để bán lại tại chợ N. Mỗi lần mua thịt heo mà có nợ thì bà Đ ghi nợ và cùng ký vào sổ của hai người để xác nhận. Việc giao dịch buôn bán giữa bà H với bà Đ như sau: Các năm trước đây, bà Đ là người trực tiếp vào lấy thịt heo tại Chợ C, sau đó đem ra bán; hai năm trở lại đây, bà H thuê người đưa

thịt ra cho bà Đ trên cơ sở trao đổi trước qua điện thoại số lượng, loại thịt, giá cả. Sau khi bà Đ bán trong ngày thì đến sáng hôm sau, khi người bà H thuê đưa thịt tiếp cho bà Đ bán ngày tiếp theo thì bà Đ sẽ trả cho bà H số tiền thịt hôm trước. Hầu hết bà Đ nợ lại tiền thịt mỗi ngày vài triệu, có ghi lại vào sổ. Sau khoảng thời gian 10 - 15 ngày, cả hai bên sẽ đối chiếu số tiền bán thịt từng ngày, số tiền bà Đ trả từng ngày để chốt lại nợ. Sau một thời gian bà H thấy bà Đ nợ quá nhiều có nguy cơ mất vốn và hiện đã ly hôn chồng nên đã nói bà Đ cùng nhau chốt lại số tiền mua thịt heo còn nợ. Đến ngày 14/01/2022, nguyên đơn và bị đơn đã chốt số tiền mua bán đến thời điểm đó là 500.000.000 đồng. Sau đó hai bên vẫn tiếp tục mua bán với nhau và bà Đ tiếp tục phát sinh nợ tiền mua thịt heo với bà H cho đến ngày 18/8/2022 là 164.000.000 đồng. Đến gần cuối năm 2022, giữa hai bên đã chốt lại nợ là 640.000.000 đồng trên cơ sở của 2 tờ chốt nợ trước đó, và hai tờ này sau khi chốt nợ bà Đ xé bỏ. Hai bên tiếp tục mua bán với nhau cho đến ngày 05/12/2022 chốt nợ thêm 160.000.000 đồng thì không làm ăn với nhau nữa. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Đ trả nợ nhưng không có kết quả, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lương Thị Đ trả số tiền hàng còn nợ là 800.000.000 đồng trên 02 tờ xác nhận nợ số tiền 640.000.000 đồng và 160.000.000 đồng ngày 05/12/2022.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị Đ trình bày:

Bà Lương Thị Đ (có tên gọi khác là Lương Thị H1) thừa nhận có làm ăn mua bán thịt heo với bà Nguyễn Thị H từ hơn 10 năm nay. Mỗi lần nợ khoảng 3, 4 triệu đồng, thời gian các khoản nợ đã trên 10 năm, mỗi lần như vậy có ký vào sổ của hai bên. Bà Lương Thị Đ chỉ thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị H khoảng 500.000.000 đồng, còn cụ thể bao nhiêu thì không nhớ vì sổ sách bà H giữ. Bà Đ xác nhận vợ chồng đã ly hôn và đây là khoản nợ của bà Đ không liên quan đến người nào khác.

Giấy xác nhận nợ số tiền 640.000.000 đồng mà bà H xuất trình bà Đ không đồng ý vì bà Đ không nhớ ký vào giấy này; bà Đ đề nghị bà H xuất trình sổ để đối chiếu. Giấy xác nhận nợ ngày 05/12/2022 với số tiền 160.000.000 đồng thì bà Đ đồng ý số tiền này. Bà Lương Thị Đ thừa nhận tất cả các giấy nhận nợ mà nguyên đơn xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án đều là chữ ký, chữ viết của bà; bà Đ không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lương Thị Đ xuất trình giấy chốt nợ được ghi vào quyển sổ của bà Đ đang giữ thể hiện số tiền bà Lương Thị Đ chỉ còn nợ là 500.000.000 đồng.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ H2 trình bày:

Ông H2 là chồng của bà Nguyễn Thị H, quá trình bà H cho bà Đ nợ tiền hàng ông H2 đều biết. Số tiền nguyên đơn bà Lương Thị Đ nợ là tài sản chung của vợ chồng ông Hồ H2 và bà Nguyễn Thị H. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết

buộc bà **Đ** thanh toán tiền hàng còn nợ cho vợ chồng ông **Hồ H2**, bà **Nguyễn Thị H**.

Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của TAND huyện Cam Lộ quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H**, buộc bị đơn bà **Lương Thị Đ** phải thanh toán tiền mua bán còn nợ cho bà **Nguyễn Thị H**, ông **Hồ H2** là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Nội dung kháng cáo của các đương sự:

Ngày 27/7/2023, bị đơn bà **Lương Thị Đ** có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của TAND huyện Cam Lộ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Lương Thị Đ**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

- Về án phí: Bà **Lương Thị Đ** phải chịu 300.000đ án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp:

Bà **Nguyễn Thị H** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **Lương Thị Đ** phải trả lại số tiền 800.000.000 đồng mua thịt heo còn nợ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[1.2]. Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 14/7/2023 thì ngày 27/7/2023 bị đơn bà **Lương Thị Đ** kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý để giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với vụ án.

[2]. Nội dung:

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị H** và bị đơn bà **Lương Thị Đ** cùng thừa nhận nhiều năm nay bà **Đ** là người mua thịt heo của gia đình bà **H** để bán lại tại **chợ N**, việc mua bán tuy không lập thành văn bản nhưng các bên đều thừa nhận. Trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán, bà **Đ** trả một phần trong ngày hoặc là nợ toàn bộ số tiền mua thịt heo của ngày hôm đó. Bà **Đ** thừa nhận còn nợ tiền mua thịt heo của bà **H**, bà **H** đã nhiều lần yêu cầu bà **Đ** trả nợ nhưng bà **Đ** không trả, dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau nhiều năm mua bán và trả nợ nhiều lần, đến ngày 14/01/2022, bà **H** và bà **Đ** đã chốt lại số tiền bà **Đ** còn nợ bà **H** là 500.000.000 đồng; đến ngày 18/8/2022 bà **Đ** nợ thêm 164.000.000 đồng. Bà **Đ** thừa nhận chữ ký, chữ viết trên 02 giấy tờ trên là của mình. Đến cuối năm 2022, giữa hai bên đã chốt nợ là 640.000.000 đồng trên cơ sở 2 tờ chốt nợ trước đó và hai tờ này sau khi chốt nợ đã xé bỏ. Việc xé bỏ được bà **Đ** thừa nhận. Như vậy, có cơ sở khẳng định giấy xác nhận nợ năm 2022 số tiền 640.000.000 đồng được lập trên cơ sở chốt nợ ngày 14/01/2022 và khoản tiền nợ thêm ngày 18/8/2022.

Bà **Nguyễn Thị H** khởi kiện yêu cầu bà **Lương Thị Đ** trả số tiền 800.000.000 đồng mua thịt heo còn nợ. Kèm theo đó, bà **H** xuất trình bản gốc giấy xác nhận nợ năm 2022 số tiền 640.000.000 đồng (có chữ ký của bà **Đ**) và giấy ghi nợ ngày 05/12/2022, gồm hai khoản 135.000.000 đồng và 25.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà **Đ** thừa nhận chữ ký, chữ viết trên giấy xác nhận nợ năm 2022 số tiền 640.000.000 đồng và giấy ghi nợ ngày 05/12/2022 gồm hai khoản 135.000.000 đồng và 25.000.000 đồng mà bà **H** xuất trình tại Tòa án là chữ ký, chữ viết của bà **Đ** và không yêu cầu trưng cầu giám định. Tại phiên tòa, bà **Đ** xuất trình giấy xác nhận nợ để cho rằng bà **Đ** chỉ còn nợ bà **H** số tiền 500.000.000 đồng và cho rằng đã trả nợ cho bà **H** 184.000.000đ. Tuy nhiên, chứng cứ mà bà **Đ** xuất trình có dấu hiệu sửa chữa, không ghi rõ thời điểm chốt nợ; bà **Đ** không cung cấp được chứng cứ chứng minh là đã trả cho bà **H** số tiền 184.000.000đ nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định số tiền bà **Đ** còn nợ tiền hàng của bà **H** là 800.000.000 đồng, Tòa án

cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Hồ H2 số tiền hàng còn nợ trên là có căn cứ.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xác minh, đánh giá chứng cứ theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ các tài liệu, chứng cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Bị đơn bà Lương Thị Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 148, Điều 271, 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, buộc bị đơn bà Lương Thị Đ phải thanh toán tiền mua bán còn nợ cho bà Nguyễn Thị H và ông Hồ H2 số tiền là 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Bà Lương Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000351 ngày 15/8/2023 của Chi ục "Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Quảng Trị. Bà Lương Thị Đ đã nộp đủ.

- Án phí sơ thẩm:

Bà **Lương Thị Đ** phải chịu 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Thị H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị H** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số CC/2021/0000272 ngày 27/3/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.

3. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/9/2023.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện Cam Lộ;
- CCTHADS huyện Cam Lộ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Trung